|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

**LUYỆN TẬP CHUNG**

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

Củng cố các kiến thức về phép nhân, chia số nguyên, bội và ước của số nguyên.

**2. Về năng lực**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết các vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác... để nâng cao và kết nối các kiến thức, các kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, phiếu học tập

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** ( 10 phút)

**a) Mục tiêu:** Ghi nhớ và củng cố lại kiến thức: Quy tắc nhân hai số nguyên và tính chất; phép chia hết, ước và bội của số nguyên

**b) Nội dung:** HS nhớ lại các kiên thức và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c) Sản phẩm:** HS trình bày được nội dung kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV dẫn dắt, đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:1. Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu2. Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu3. Nêu các tính chất của phép nhân4. Nêu khái niệm phép chia hết của số nguyên5. Nêu cách tìm bội, ước của số nguyên**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**HS nhớ lại các kiến thức, suy nghĩ và trả lời**\* Báo cáo, thảo luận:**- Đối với mỗi câu hỏi, 1 học sinh đứng tại chỗ trình bày câu trả lời- HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung**\* Kết luận, nhận định:** - GV nhận xét các câu trả lời của HS- Dẫn dắt HS luyện tập làm các bài tập | Số tiền bạn Cao đã chi trong ba lần đó là: |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** ( 33 phút)

**a) Mục tiêu:**

HS củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập

**b) Nội dung:**

HS dựa vào các kiến thức đã học vận dụng làm bài tập ví dụ 1, 3.44, 3.45, 3.46, 3.47

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải các bài tập: Ví dụ 1, 3.44, 3.45, 3.46, 3.47

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- GV yêu cầu HS viết HS nhắc lại sự thay đổi về dấu của tích thay đổi dấu của thừa số trong tích, và cách nhận biết về dấu của tích dừa vào số thừa số nguyên âm trong tích- Vận dụng trả lời miệng bài 3.44- Viết lại tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng ( phép trừ)- Làm việc cá nhân bài tập Ví dụ 1, - Làm việc theo nhóm 4 3.45, 3.46, 3.47**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trên**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu 1 HS nhắc lại sự thay đổi dấu của tích- Vận dụng trả lời miệng bài tập 3.44- Gọi 1 HS làm nội dung ví dụ 1, 1 HS làm bài 3.47a, 1 HS làm bài 3.47b- HS cả lớp quan sát, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV khẳng định kết qủa đúng của các bài tập và đánh giá mức dộ hoàn thành của học sinh- GV lưu ý cách đổi dấu của tích để có thể tính thuận lợi hơn | **Dạng 1: Tính một cách hợp lý****Ví dụ 1 SGK trang 75****Bài 3.47 SGK trang 75**Nhận xét:Để tính nhanh, tinh hợp lý một biểu thức đôi khi ta cần đổi dấu thừa số trong tích rồi vận dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng ( phép trừ) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- GV yêu cầu HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính- GV giới thiệu hai loại biểu thức là biểu thức số và biểu thức đại số- Nếu có thể thì ưu tiên tính hợp lý - Làm bài 3.45, 3.46 theo nhóm 4**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.- HS làm việc theo nhóm 4 sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để thực hiện bài 3.45, 3.46**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- GV yêu cầu 1 HS nhắc lại thứ tự thực hiện phép tính- Các nhóm lần lượt treo bảng phụ của nhóm mình. Các nhóm khác quan sát và đánh giá**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV đánh giá kết quả của các nhóm và tinh thần làm việc của các thành viên- Chính xác hóa kết quà bài tập 3.45, 3.46 | **Dạng 2. Tính giá trị của biểu thức****Bài 3.45 SGK trang 75****Bài 3.46 SGK trang 75**Thay vào biểu thức ta có:Vậy giá trị của biểu thức A bằng -63 khi a = 4, b = -3  |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Xem lại các bài tập đã chữa

- Làm bài tập 3.48, SGK trang 72.

**Tiết 2**

**Hoạt động 4: Vận dụng** (43 phút)

**a) Mục tiêu:**

Học sinh thực hiện làm các bài tập vậ dụng để khắc sâu kiến thức

**b) Nội dung:**

- HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học và làm bài tập ví dụ 2 và bài 3.49

**c) Sản phẩm:**

Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**- GV yêu cầu 2 HS đọc yêu cầu của ví dụ 2- GV nhắc lại cách sử dụng số nguyên âm để biểu diễn các đại lượng trong thực tế. Ví dụ nhiệt độ giảm, số mét vải giảm, ...- HS trả lời các câu hỏi sau:1. 1 bộ quần áo nữ tăng 2dm, 200 bộ quần áo nữ tăng bao nhiêu dm?2. 1 bộ quần áo nam giảm 3 dm nghĩa là tăng bao nhiêu? 150 bộ quần áo nam tăng bao nhiêu?3.Viết biểu thức số và tính tổng số mét vài tăng khi may 200 bộ nữ và 150 bộ nam là bao nhiêu?4. Kết quả đó thể hiện tăng lên hay giảm so với ban đầu?**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi gợi mở của giáo viên- Cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung**\* Kết luận, nhận định 1:** **-** GV chính xác hóa kết quả các câu hỏi- GV nhấn mạnh việc sử dụng số nguyên âm trong thực tế và quy tắc nhân, chia số nguyên | **Dạng 3. Toán thực tế****Ví dụ 2 SGK trang 75**Số vải tăng lên khi may 200 bộ quần áo nữ là: Giảm 3dm nghĩa là tăng Số vải tăng khi may 150 bộ quần áo nữ là:  Chiều dài vải tăng để may 200 bộ quàn áo nữa và 150 bộ quần áo nam là: Tăng ( -50) dm nghĩa là giảm 50 dm = 5mVậy khi may theo mẫu mới , chiều dài vải để may 200 bộ nữ và 150 bộ nam giảm 5 m |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**- GV yêu cầu 2 HS đọc yêu cầu bài 3.49- HS trả lời các câu hỏi sau:1. Làm được 230 sản phầm thì công nhân đó nhận được bao nhiêu?2. Với 1 sản phẩm lỗi sẽ bị phạt 10000 nghĩa là công nhân đó làm được bao nhiêu?3.Hãy tính số tiền công nhân nhận được khi làm hỏng 8 sản phẩm?4. Tháng đó người công nhân nhận được bao nhiêu?**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS thực hiện các yêu cầu trên**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi gợi mở của giáo viên- Cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung**\* Kết luận, nhận định 2:** **-** GV chính xác hóa kết quả các câu hỏi- GV nhấn mạnh việc sử dụng số nguyên âm trong thực tế và quy tắc nhân, chia số nguyên | **Bài 3.49 SGK trang 75**Số tiền người công nhân nhận được khi làm được 230 sản phẩm đạt chất lượng là:  ( đồng) : Bị phạt 10000 đồng nghĩa là người đó nhận được ( -10000) đồngSố tiêng người đó nhận được khi làm ra 8 sản phẩm không đạt tiêu chuẩn là:  Lương tháng người công nhân đó nhận được là: |

**\*Hướng dẫn tự học ở nhà** ( 2 phút).

- Xem lại các ví dụ và bài tập đã giải.

- Ôn tập các kiến thức trong chương để tiết sau ôn tập chương III

- Làm bài 3.32, 3.33 Sách bài tập trang 57